

NIỆM ÂN ĐỨC PHẬT

Susanta Nguyễn
Montreal, Quebec, 2002

3. ÂN ĐỨC MINH HẠNH TỨC - VIJJACARANA SAMPANNO

Bậc có đầy đủ tuệ giác và đức hạnh

Trong tiếng Pali, **Vijja** hay Giác hoặc Minh là sự hiểu biết cùng tột và tinh tường có thể dẫn đến những năng lực thần thông. **Carana** là pháp tu tập hay những đức hạnh để có được tuệ giác này. Đây đủ Tuệ giác có nghĩa là Đức Phật có 3 cái giác (Tam minh) như ghi trong kinh Bhayabherava (Trung Bộ Kinh) hay 8 cái giác (Bát minh) như ghi trong kinh Ambattha (Trường Bộ Kinh).

I. TÁM CÁI GIÁC HAY BÁT MINH CỦA ĐỨC PHẬT:

A. Túc Mạng Minh (Pubbe nivasa Nana): Trí tuệ thấy rõ, biết rõ, nhớ rõ thân ngũ uẩn của Ngài từ một kiếp, hàng trăm kiếp, hàng ngàn kiếp, hàng vạn kiếp, hàng triệu kiếp, hằng triệu triệu kiếp.. trong kiếp nào, Ngài sanh trong cảnh nào, khi ấy có tên họ chi, dòng giống nào, sắc diện thế nào, tuổi thọ được bao nhiêu, khi thác rồi sanh trong cảnh nào v.v... Đức Phật toàn giác có khả năng ghi nhớ lại vô số kiếp không có giới hạn. Trong khi khả năng này của Đức Phật Độc Giác và bậc Thanh văn Giác có giới hạn.

Túc mạng minh biết rõ tiền kiếp thuộc loại chúng sinh nào, tên gì, thuộc dòng dõi nào, tạo thiện nghiệp, bất thiện nghiệp, ba la mật, thọ lạc, thọ khổ, tuổi thọ đều ghi nhớ rõ ràng chi tiết.

Đức Phật đắc túc mạng minh lúc đầu hôm, trong đêm thành đạo dưới cội Bồ Đề.

B. Thiên Nhân Minh (Cutupapata vijja): Trí tuệ thấy rõ biết rõ như mắt của chư thiên, phạm thiên, có khả năng thấy rõ biết rõ quá khứ, vị lai của tất cả chúng sinh.

Có 3 loại thiên nhân minh:

1. Sanh tử minh: Tuệ thấy rõ sự sanh tử luân hồi của chúng sanh đều do nghiệp ác hoặc thiện cấu tạo nên và quả tái sinh ở cảnh giới nào. Chúng sanh nào làm những nghiệp ác do thân, khẩu, ý chấp theo tà kiến, sẽ tái sinh trong các cảnh khổ (Duggati) là cảnh A tu la, ngạ quỷ, súc sanh, địa ngục.

Chúng sanh nào làm những nghiệp lành do thân, khẩu, ý nói theo chánh kiến, sẽ tái sinh vào cõi yên vui (Sugati) là cõi trời và cõi người có nhiều hạnh phúc.

2. Vị lai kiến minh: Tuệ thấy rõ những kiếp vị lai của chúng sanh. Chư Phật dùng vị lai kiến minh này để thọ ký chúng sinh trong những kiếp vị lai xa xăm, còn thời gian bao nhiêu đại kiếp trái đất nữa sẽ trở thành bậc Chánh Đẳng Giác, bậc Độc Giác Phật, bậc Thánh Thanh Văn...

3. Thiên nhân minh (Dibbacakku Nana): Tuệ thấy rõ tất cả chư thiên, nhân loại và các vật. Dù sâu dưới đất, trong lòng núi hay bị che ẩn; dù gần hoặc xa đến đâu, Ngài cũng đều thấy rõ ngay như trước mắt.

Tuy nhiên, ở đây chỉ nhấn mạnh Từ sanh minh là cái giác mà Đức Phật đã đắc vào khoảng giữa đêm Ngài thành đạo.

C. Lộ Tận Minh (Asavakkhaya Nana): Tuệ thiên minh sát (Vipassana) siêu tam giới, đó là 4 Thánh đạo diệt đoạn tuyệt được 4 pháp phiền não trầm luân không còn dư sót. Đó là Trầm luân trong Ái dục (Kamasava), Trầm luân trong Tam giới (Bhavasava), Trầm luân trong tà kiến (Ditthasava), Trầm luân trong Vô minh (Avijjasava).

Về pháp trầm luân trong Ái dục, Đức Phật đã thấy rõ, hiểu biết tường tận: đây là khổ, đây là nguyên nhân của sự khổ, đây là nơi diệt khổ, đây là con đường đi đến nơi diệt khổ. Về ba pháp trầm luân còn lại là Tam giới, Tà kiến, Vô minh, Ngài cũng hiểu thấy rõ rệt. Pháp này là pháp trầm luân, pháp này là pháp sanh sự trầm luân, đây là nơi diệt pháp trầm luân, đây là phương pháp diệt trừ pháp trầm luân.

Đồng thời Thế Tôn tận diệt được tất cả mọi tiền khiên tận (vasana) do tích lũy từ vô lượng kiếp trong quá khứ.^[1]

Đức Phật đắc lậu tận mình vào lúc rạng đông thêm thành đạo.

Bát minh của Đức Phật như ghi lại trong kinh Ambattha (Trường Bộ Kinh) gồm có 3 cái giác vừa mô tả. Đó là Túc mạng minh, Thiên nhãn minh, Lậu tận minh và thêm 5 cái giác sau đây:

D. Minh Sát Minh (Vipassana vijja): Tuệ quán tưởng các pháp hành (sankhara), biết và thấy rõ ràng, đầy đủ, xuyên suốt, và như thật sự sinh và sự diệt của Vật chất và Tâm, theo 10 pháp minh sát và Tuệ siêu tam giới chứng đắc Thánh Đạo Tuệ và Thánh quả Tuệ và Niết bàn.

10 pháp minh sát này gồm có:

- a. Tuệ quán tưởng các vật chất và tâm đều vô thường, khổ não, vô ngã đúng theo thật tướng (Sammasanannana).
- b. Tuệ quán tưởng sự sinh và diệt của vật chất và tâm (Udayabbayannana)
- c. Tuệ quán tưởng sự diệt của vật chất và tâm (Bhangannana)
- d. Tuệ quán tưởng cho thấy vật chất và tâm là đáng ghê sợ như là thú dữ (Bhayannana)
- e. Tuệ quán tưởng cho thấy rõ sự khổ sở của vật chất và tâm như người thấy nhà mình bị lửa cháy, tìm đường thoát ra cho khỏi (Adinavannana)
- f. Tuệ quán tưởng cho phát sanh lòng chán nản vật chất và tâm (Nibbidannana)
- g. Tuệ quán tưởng cho phát sanh tâm mong mỏi thoát khỏi vật chất và tâm cũng như cá muốn lóir muốn thoát thân, như kẻ tù tội muốn lìa khỏi cùm xích lao tù (Muncitukamyatannana).
- h. Tuệ quán tưởng tìm phương thế giải thoát khỏi danh sắc (Patisankharannana)
- i. Tuệ xả, tức là không còn chấp vật chất và tâm nữa, không vui, không buồn, ví như người bỏ hẳn vợ, chẳng còn mến tiếc nữa, dầu người vợ ấy có tư tình với người nào mình cũng thản nhiên (Sankharupekkha nana).
- j. Tuệ thấy rõ và dốc lòng thực hành xuôi theo thánh đạo (Anulomannana).

Tuệ minh sát ẩn tàng trong tâm đức Phật từ khi Ngài chưa xuất gia tầm đạo. Tuy nhiên lúc ấy, tuệ minh sát của Ngài chưa được uyên thâm và sâu xa, tinh xảo và vi tế. Chính nhờ cái mình còn thô thiển ấy mà khi còn là Thái tử Siddhartha, Ngài đã nhận thức được những điều thống khổ của sự Già, Đau, Chết khi trông thấy một người già, một bệnh nhân, một tử thi trong lúc Ngài đi du ngoạn ngoài thành. Lúc trở về nội cung, Ngài suy tưởng mãi về cái thân ngũ uẩn vô thường, phát tâm chán nản thế sự phù du, cương quyết cắt ái ly gia mong tìm đường giải thoát. Tuệ minh sát là cái giác đầu tiên trong tám cái giác mà Đức Phật đã đắc. Chính vì nhờ Tuệ Minh Sát mà Ngài mới hoàn toàn tri tỏ lý Tứ Diệu Đế.

Sau khi cảm thấy bọn Ma vương dưới cội bồ đề do nhờ 10 pháp Ba La Mật, Ngài liền nhập diệt thọ tướng định (Samapatti hay Bát thiền). Lúc xuất định, Ngài dùng tuệ minh sát chiếu vào các pháp hành (hữu vi) và thấy rõ vật chất và tâm đều là vô thường (aniccam), khổ não (dukkham), vô ngã (anatta).

Từ đó, Ngài ví ngũ uẩn theo lý Tứ diệu đế như sau:

- Khổ đế: Ngũ uẩn là chúa tể các sự khổ rất đáng sợ ví như 5 kẻ nghịch hung bạo.
- Tập đế: Ba tâm ái dục ví như 3 tên dẫn đường chỉ nẻo cho 5 kẻ nghịch ấy.
- Diệt đế: Niết bàn là khí cụ để ngăn chặn lối 5 kẻ nghịch ấy.
- Đạo đế: Bát chánh đạo là phương pháp diệt trừ bọn nghịch ấy.

Khi tìm thấy căn nguyên của sự khổ và phương pháp diệt tận sự khổ bằng Tuệ minh sát rồi, Đức Bồ tát mới xa lìa được 3 cái trói buộc hay thăng thúc (samyojana) đầu tiên là Thân kiến (Sakkaya ditthi), Hoài nghi (Vicikiccha) và Giới cầm thù (Silabbattaparamasa) hay chấp theo tập quán, theo lệ cúng tế thần thánh, bằng Tu đà hoàn đạo tuệ (Sotapatti maggannana).

Rồi ngài xa lìa phần thô thiển của 2 cái trói buộc nữa là vui thích tình dục (Kamacchanda) và thù oán, mong hại người (Byapada) bằng Tu đà hoàn đạo tuệ (Sakidagami maggannana).

Rồi Ngài lại xa lìa phần vi tế của 2 trói buộc trên và diệt tận cả 2 trói buộc trên bằng A na hàm đạo tuệ (Anagami Maggannana).

Kế tiếp, Ngài xa lìa cả 5 trói buộc cuối cùng là:

- Vui thích cảnh sắc (Ruparaga)
- Vui thích cảnh vô sắc (Aruparaga)
- Cống cao, ngã mạn (Mana)
- Phóng tâm (Uddhacca)
- Vô minh (Avijja)

bằng A la hán đạo tuệ (Arahatta maggannana).

Khi phiền não chướng ngại đã xa lìa, thân tâm Bồ tát trở nên hoàn toàn trong sạch. A la hán quả phát sinh lên và 7 cái giác khác cũng tuần tự khởi phát lên tròn đủ trong tâm Ngài.

E. Hoá Tâm Minh (Manomayiddhi Vijja) là cái tuệ có thể hóa thân khác theo mong muốn của mình, do nhờ năng lực của thiên định. Đức Phật có thể dùng tâm lực tự hóa ra khi thì làm người già, lúc thì làm người trẻ. Như trường hợp Đức Phật thuyết giảng tạng Vi Diệu Pháp vào hạ thứ bảy tại cung trời Tam thập tam thiên suốt ba tháng. Mỗi ngày đến giờ đi khất thực, Đức Phật hóa thân khác như Đức Phật tiếp tục thuyết pháp, còn chính Đức Phật thật đi khất thực ở bắc Cầu Lưu Châu. Khi độ ngộ xong, Ngài trở lại cung trời thay thế Đức Phật hóa thân, chỉ có một số ít chư thiên, phạm thiên bậc cao có nhiều oai lực mới biết được.

F. Thần Thông Minh (Iddhidivdhi vijja) là cái tuệ có khả năng biến hóa nhiều pháp thân thông khác nhau do nhờ năng lực thiên định. Vào trước thời kỳ của Đức Phật đã có những vị tu sĩ Bà La Môn rất lâu thông kinh điển Vệ Đà và thực hành những pháp tu tập (caranas) đạt đến những tầng thiền tĩnh lặng rất cao (jhana abhinna). Khi đạt đến những tầng thiền tĩnh lặng cao cấp, các tu sĩ Bà La Môn có thể thực hành những phép thần thông như thấy được

(thiên nhãn) và nghe được (thiên nhĩ) toàn thể vũ trụ trong bất cứ giây phút nào (Dibbacakkhu Nana), thấy được kiếp trước của mình (Túc mạng minh hay Pubbenivasa Nana), hiểu được tâm ý của người khác (Tha tâm thông hay Cetopariya Nana).

Đức Phật cũng đã tu tập và đạt đến mức độ cao nhất những sức mạnh thần thông này. Thí dụ, Đức Phật có thể biến hóa một người thành ra nhiều người hoặc nhiều người thành ra một người. Ngài có thể tàng hình, độn thổ, đi trên nước như trên đất bằng, đi ngang qua vách núi như đi trong khoảng trống, ngồi xếp bằng bay trên hư không, lấy tay sờ mặt trời, mặt trăng, làm cho đường gân thành xa, xa thành gân, vật này biến thành vật khác. Trong hàng đệ tử của Ngài, Ngài Mục Kiền Liên là người có thần thông khó ai có thể vượt hơn được nhưng ngài vẫn không thể thực hành được phép biến nước thành lửa và lửa thành nước từ lỗ chân lông (Yamaka patihariya) như Đức Phật. Và chính nhờ oai lực thần thông này mà Đức Phật đã thuyết phục và cảm hóa được nhiều người, khiến họ bỏ con đường ác và hướng về Phật pháp.

G. Thiên Nhĩ Minh (Dibbasota Nana) là tuệ có thể nghe những tiếng động từ rất xa, bị kẹt kín, hoặc nhỏ nhiệm mà tai của người đời thường không thể nghe được. Do nhờ năng lực thiên định, Đức Phật có thể nghe tiếng các loài oan sanh, thai sanh, thấp sanh, nhất là tiếng của loài người và chư thiên.

H. Tha Tâm Minh (Cetopariya Nana) là tuệ biết rõ ý tưởng hoặc tâm thức của người khác. Đức Phật biết rõ tâm của tất cả chúng sanh: Tâm người này còn tham, sân, si. Tâm người kia đã dứt phiền não. Người này đang tưởng điều ác. Người kia đang nghĩ điều lành. Nhờ tha tâm minh mà khi có ai đến gần, Phật liền biết rõ người ấy muốn tìm ngài để làm gì, hỏi chi v.v...

Năm cái giác vừa kể trên, hiệp với ba cái giác đã giải thích phía trước làm thành 8 cái giác mà Đức Phật đã chứng đắc. Trong các tuệ giác này, Tuệ giác thứ tư (Trí tuệ Bát Nhã dựa trên thiền minh sát) thuộc dục giới. Tuệ giác thứ ba (tuệ giác diệt trừ các nhiễm ô siêu thế) thuộc sắc giới. Sáu tuệ giác thuộc vô sắc giới (Ruavacara kriya abhinna Nana).

II. MƯỜI LĂM ĐỨC HẠNH CAO THƯỢNG (CARANA) CỦA ĐỨC PHẬT:

A. Có giới đức hoàn toàn trong sạch và thanh tịnh (Sila Samvara) là giữ gìn trong sạch Tứ thanh tịnh giới hay 227 giới của các vị tỷ kheo (Patimokkha)

B. Thu thúc lục căn thanh tịnh (Indriyasamvara dvarata) là giữ tâm cho bình thản không vui không buồn, không cho cảnh trần chi phối khi lục căn tiếp xúc với lục trần. Thu thúc khi thấy bằng mắt, nghe bằng tai, ngửi bằng mũi, nếm bằng lưỡi, tiếp xúc bằng thân, suy nghĩ bằng ý hoàn toàn thanh tịnh.

C. Biết tri túc trong vật thực (Bhojane mattannuta) là biết cách đi bát và sử dụng thức ăn đúng cách. Nếu thí chủ bố thí với tâm thành kính thì dù thức ăn ít, Đức Phật vẫn nhận. Nếu thí chủ bố thí thật nhiều thức ăn nhưng thái độ ít thành kính, Đức Phật chỉ nhận một phần nhỏ thôi. Nếu thí chủ bố thí thật nhiều và với tâm thành kính thật sự, Đức Phật thọ nhận vừa đủ nhu cầu của mình. Đây là hạnh biết nhận thức ăn đúng cách. Khi ăn những thực phẩm thọ nhận, Đức Phật chỉ ăn một buổi ngọ, và bao giờ ăn no. Ngài ngừng lại khi còn có thể ăn 5 hoặc 6 muỗng nữa mới no để dành uống nước. Và quan trọng nhất, ngài luôn luôn chánh niệm trong khi ăn. Đây là hạnh biết ăn đúng cách.

D. Tinh tấn tịnh giác (Jagariya muyoga): Ngày đêm tinh tấn hành phạn sự. Chuyên cần tịnh giác ở đây không có nghĩa là Đức Phật chỉ thức và không ngủ. Ngài liên tục chánh niệm suốt ngày, đầu đêm và cuối đêm, trong lúc đi bộ và ngồi để ngăn ngừa không cho những tâm bất thiện khởi lên. Trong 24 giờ của ngày, Đức Phật chỉ ngủ khoảng 4 giờ--từ 10 đến 2 giờ khuya--để phục hồi năng lực. Ban đêm có 3 canh. Canh đầu, Ngài ngồi hành đạo, đi kinh hành. Canh giữa (22 giờ đêm) Ngài nằm ngũ nghi trong tư thế nằm riêng bên phải, có trí nhớ trí tuệ trước khi ngủ, sẽ thức dậy ở cuối canh giữa. Canh chót (2 giờ sáng), Ngài hành đạo, đi kinh hành.

Phần thì giờ còn lại của 24 giờ trong ngày, Ngài hành thiền và làm các công việc của một vị tỷ kheo.

Bảy hạnh kế tiếp (từ hạnh thứ 5 đến hạnh thứ 11) còn được gọi là 7 phẩm hạnh của người đạo đức (Thất thánh tài) là:

E. Đức tin chân chính và không lay chuyển ở Tam bảo, tin nghiệp và tin quả, tin ở sự giác ngộ của Đức Phật và ở 37 phần pháp Bồ Đề (Saddha)

F. Luôn luôn chánh niệm, có sự ghi nhớ chân chính và biết mình, ghi nhớ theo Tứ niệm xứ (niệm thân, niệm thọ, niệm tâm, niệm pháp) và biết rõ những hành vi của mình về thân khẩu ý (Sati sampajanna)

G. Biết hổ thẹn khi làm điều tội lỗi, không làm điều tội lỗi (Hiri, Tàm).

H. Biết ghê sợ khi làm điều ác, không làm mọi tội ác (Ottapa, Quý).

I. Luôn luôn có sự tinh tấn theo Tứ chánh cần (samappadhana):

- cố gắng diệt trừ các pháp ác đã phát sanh nơi thân tâm.
- cố gắng ngăn ngừa các pháp ác chưa phát sanh không cho xâm nhập vào thân.
- cố gắng làm cho tăng trưởng pháp các pháp lành đã có, hoặc làm hoàn bị những pháp lành đã đắc.
- cố gắng làm cho phát sanh các pháp lành chưa có hoặc hành các pháp hành chưa đắc (Viriya).

J. Đa văn túc trí, học nhiều hiểu rộng tất cả các Pháp và giáo lý Phật, nhất là Kinh, Luật, Luận và các pháp giải thoát (Bahusacca)

K. Có trí tuệ hiểu thấy chân chánh, hiểu thấy theo ba thật tướng của vũ trụ (vô thường, khổ não, vô ngã) theo lý Tứ Diệu Đế (Panna).

4 hạnh sau cùng (từ thứ 12 đến 15) là 4 tầng thiền vô sắc giới:

L. Đệ nhất thiền hữu sắc và vô sắc (Pathamajjhana)

M. Đệ nhị thiền hữu sắc và vô sắc (Dutiyaajjhana)

N. Đệ tam thiền hữu sắc và vô sắc (Tatiyaajjhana)

O. Đệ tứ thiền hữu sắc và vô sắc (Catutthajjhana)

Những tuệ giác (vijja) và đức hạnh (carana) này tác động qua lại lẫn nhau. Tuệ giác giống như đôi mắt trong khi đức hạnh giống như đôi chân. Muốn đi đến một nơi nào đó mà thiếu một trong hai thì không thể nào đạt được ước nguyện của mình.

Các bậc thánh (Ariya) có thể đạt được 8 tuệ giác và 15 đức hạnh này nhưng họ vẫn không có danh hiệu là Minh Hạnh Túc vì Đức Phật là người đạt được các tuệ giác và đức hạnh này mức độ cao nhất. Nhờ toàn đắc 8 cái giác, Đức Phật phát sinh trí tuệ vô biên. Nhờ hành viên mãn 15 đức hạnh, Đức Phật phát tâm đại bi vô lượng. Do nhờ trí tuệ mà Đức Phật thông suốt cái khổ. Do nhờ tâm Đại Bi mà Đức Phật dắt dẫn chúng sanh đến bờ giải thoát. Do nhờ trí tuệ mà Đức Phật đã chứng bậc Chánh đẳng Chánh giác. Do nhờ tâm Đại Bi mà Ngài thực hành trọn vẹn phận sự của một bậc Chánh Biến Tri. Do nhờ Trí Tuệ mà Đức Phật tri tỏ pháp nào có sự lợi ích; pháp nào có sự nguy hại đến chúng sanh. Do nhờ tâm Đại Bi mà Ngài khuyên bảo chúng sanh lánh xa những điều tội lỗi, khuyến khích chúng sanh làm những điều lành. Tóm lại, do nhờ 8 cái giác và 15 cái hạnh của Đức Phật mà các hàng tứ chúng môn đệ của ngài

được dắt dẫn chu đáo trên con đường chân chánh, lánh xa những con đường sai lầm như pháp tu khổ hạnh, tà kiến, lợi dưỡng.... Do nhờ những ân đức cao quý vừa giải thích ở trên nên Ngài có danh hiệu là Vijačaranasampanno hay Minh Hạnh Túc.

-ooOoo-

[\[i\]](#) Xin xem trang 8 trong tập sách này.

-ooOoo-

[Đầu trang](#) | [00](#) | [01](#) | [02](#) | [03](#) | [04](#) | [05](#) | [06](#) | [07](#) | [08](#) | [09](#) | [10](#)

Chân thành cảm ơn Tỳ kheo Thiện Minh đã gửi tặng bản vi tính (Bình Anson, 01-2004)

[[Trở về trang Thư Mục](#)]

last updated: 18-01-2004